

Số: /GPMT-BQL

Bình Định, ngày

tháng 12 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý Khu công nghiệp và Khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 70/2022/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 1746/QĐ-UBND ngày 01/6/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế giải quyết một số thủ tục hành chính trên lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi thẩm quyền của UBND tỉnh;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Nông Trại Xanh tại Văn bản số 10/CV ngày 30/12/2024 về việc hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy chế biến nông lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa; logistics và kho bãi và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Nông Trại Xanh, địa chỉ trụ sở chính tại lô B7, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Nhà máy chế biến nông lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa; logistics và kho bãi với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: Nhà máy chế biến nông lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa; logistics và kho bãi.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô B7, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3601594402 do Phòng đăng ký kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 13/4/2009 đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 05/8/2022.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7251701824 do Ban Quản lý Khu kinh tế cấp lần đầu ngày 04/4/2012, chứng nhận điều chỉnh lần thứ ba ngày 29/8/2024.

1.4. Mã số thuế: 3601594402.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất viên nén gỗ, logistic và kho bãi.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Tổng diện tích: 19.724m².

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II (theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

- Công suất: Nông lâm sản (viên nén) 250.000 tấn sản phẩm/năm; Logistics và kho bãi 5.000m² (4 tấn/m² tương đương 20.000 tấn).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Nông Trại Xanh:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Nông Trại Xanh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi để các chất ô nhiễm, tiếng ồn,

độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay các hoạt động liên quan đến việc đầu nổi nước thải, xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ban Quản lý Khu kinh tế, UBND phường Trần Quang Diệu nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Ban Quản lý Khu kinh tế để được xem xét, giải quyết.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 31 tháng 12 năm 2024 đến ngày 30 tháng 12 năm 2034).

Điều 4. Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng đại diện Ban Quản lý tại Khu kinh tế, Khu công nghiệp căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND phường Trần Quang Diệu;
- Công ty TNHH Nông Trại Xanh;
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bình Định;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lãnh đạo Ban;
- Các Phòng: QLĐT, QLQH XD, QLDN;
- VP Ban (công khai trên website);
- VP Đại diện BQL;
- Lưu: VT, P.QLTNMT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Thanh Nguyên

Phụ lục 01

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 12 năm 2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường. Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Phú Tài dẫn về Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Phú Tài, không xả thải ra môi trường; nước thải từ quá trình xử lý khí thải lò sấy và nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý bụi được tuần hoàn sử dụng, không xả thải ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại dự án được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn chống thấm đặt ngầm dưới nhà vệ sinh, sau đó tự chảy theo đường ống PVC D200mm dẫn đầu nối vào hố ga của Khu công nghiệp tại vị trí phía Đông Bắc mặt bằng để đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Phú Tài.

Tọa độ hố ga đầu nối nước thải: X=1524.441; Y= 596.735 (Theo hệ tọa độ VN-2000, KKT 108⁰15'; múi chiếu 3⁰). Chất lượng nước thải trước khi đầu nối đảm bảo đạt cấp độ theo Quyết định số 404/QĐ-ĐTĐD ngày 13/4/2012 của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bình Định.

- Nước thải từ quá trình xử lý khí thải lò sấy và xử lý bụi được lưu chứa trong bể để tuần hoàn tái sử dụng, định kỳ vệ sinh vớt cặn và bổ sung lượng nước hao hụt.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình thu gom, xử lý: Nước thải từ nhà vệ sinh → Bể tự hoại 3 ngăn (bao gồm: ngăn chứa và phân hủy cặn, ngăn lắng, ngăn lọc) → Hố ga → Hệ thống đường ống uPVC D200mm → Đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp tại hố ga góc tường rào phía Đông Bắc lô B7.

- Dung tích bể xử lý:

+ 02 bể tự hoại: 6m³/bể;

+ 01 bể tự hoại: 12m³/bể.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát, kiểm tra hệ thống đường ống, mương dẫn nước thải để đảm bảo hiệu quả thu gom và đấu nối triệt để nước thải.

- Định kỳ bảo dưỡng, vệ sinh mương dẫn nước thải; hút bùn, cặn tại bể tự hoại, để đảm bảo dung tích lưu chứa nước thải và nâng cao hiệu quả thu gom, xử lý nước thải trước khi đấu nối.

- Thường xuyên theo dõi, giám sát công tác thu gom, lưu chứa nước thải tại nhà máy đảm bảo đường ống dẫn và công trình lưu chứa nước thải luôn luôn kín, không bị rò rỉ, không phát sinh mùi hôi ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Các công trình xử lý sơ bộ nước thải của dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Hệ thống thu gom, xử lý sơ bộ nước thải phải tách biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

3.2. Thực hiện việc thu gom, xử lý sơ bộ và ký hợp đồng đấu nối, xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh tại dự án với Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bình Định; thu gom, tái sử dụng nước thải phát sinh từ quá trình xử lý bụi, khí thải theo đúng quy định.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải ra môi trường không đúng quy định.

Phụ lục 02

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 12 năm 2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ hoạt động lò sấy 01.
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ hoạt động lò sấy 02.
- Nguồn số 03: Khí thải (bụi) phát sinh từ máy nghiền tinh số 01 và số 02.
- Nguồn số 04: Khí thải (bụi) phát sinh từ máy nghiền tinh số 03 và số 04.
- Nguồn số 05: Khí thải (bụi) phát sinh từ máy nghiền tinh số 05.
- Nguồn số 06: Khí thải (bụi) phát sinh từ máy ép viên số 01 và số 02.
- Nguồn số 07: Khí thải (bụi) phát sinh từ máy ép viên số 03 và số 04.
- Nguồn số 08: Khí thải (bụi) phát sinh từ máy ép viên số 05 và số 06.
- Nguồn số 09: Khí thải (bụi) phát sinh từ máy làm nguội số 01.
- Nguồn số 10: Khí thải (bụi) phát sinh từ máy làm nguội số 02.
- Nguồn số 11: Khí thải (bụi) phát sinh từ máy làm nguội số 03.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng số 01: Miệng ống khói của hệ thống xử lý khí thải lò sấy số 01, công suất 06 tấn/giờ, tọa độ $X = 1524.419$; $Y = 596.648$.
- Dòng số 02: Miệng ống khói của hệ thống xử lý khí thải lò sấy số 02, công suất 06 tấn/giờ, tọa độ: $X = 1524.280$; $Y = 596.675$.
- Dòng số 03: Miệng ống thoát hơi của hệ thống xử lý bụi máy nghiền tinh số 01 và 02, tọa độ: $X = 1524.380$; $Y = 596.644$.
- Dòng số 04: Miệng ống thoát hơi của hệ thống xử lý bụi máy nghiền tinh số 03 và 04, tọa độ: $X = 1524.339$; $Y = 596.621$.
- Dòng số 05: Miệng ống thoát hơi của hệ thống xử lý bụi máy nghiền tinh số 05, tọa độ: $X = 1524.339$; $Y = 596.638$.
- Dòng số 06: Miệng ống thoát hơi của hệ thống xử lý bụi máy ép viên số 01, số 02 và máy làm nguội số 01, tọa độ: $X = 1524.380$; $Y = 596.644$.
- Dòng số 07: Miệng ống thoát hơi của hệ thống xử lý bụi máy ép viên số

03, số 04 và máy làm nguội số 02, tọa độ: X = 1524.327; Y = 596.623.

- Dòng số 08: Miệng ống thoát hơi của hệ thống xử lý bụi máy ép viên số 05, số 06 và máy làm nguội số 03, tọa độ: X = 1524.327; Y = 596.631.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $108^{\circ}15'$, múi chiều 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $113.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Dòng số 01: Lưu lượng $20.0000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Dòng số 02: Lưu lượng $20.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Dòng số 03: Lưu lượng $10.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Dòng số 04: Lưu lượng $10.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Dòng số 05: Lưu lượng $5.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Dòng số 06: Lưu lượng $16.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Dòng số 07: Lưu lượng $16.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Dòng số 08: Lưu lượng $16.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: xả liên tục 24 giờ/ngày.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải theo QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B ($K_p=0,8$; $K_v=1$) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cụ thể như sau:

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
II	Dòng số 01 đến dòng số 02			06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
01	Bụi tổng	mg/Nm^3	160		
02	SO_2	mg/Nm^3	400		
03	NO_x (tính theo NO_2)	mg/Nm^3	680		
04	CO	mg/Nm^3	800		
05	Lưu lượng	m^3/h	-		
III	Từ dòng số 03 đến dòng số 08				
01	Bụi tổng	mg/Nm^3	160		
02	Lưu lượng	m^3/h	-		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom bụi, khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

1.1.1. Các dòng khí thải, bụi phát thải ra môi trường không khí:

- Nguồn số 01 và số 02: Mỗi dòng bụi, khí thải phát sinh từ hệ thống sấy số 01, số 02 được thu gom theo tuyến ống kín bằng thép (đường kính D800) qua cyclone chùm (6 cyclone), sau đó tiếp tục theo tuyến ống kín bằng thép (đường kính D800) ra bể đập bụi và thoát ra môi trường qua ống khói bằng thép có đường kính D800mm, chiều cao 22m.

- Nguồn số 03, số 04 và số 05: Mỗi dòng bụi phát sinh từ công đoạn nghiền tinh chia làm 03 dòng: Dòng số 03 (máy nghiền tinh số 01, 02), dòng số 04 (máy nghiền tinh số 03 và 04), dòng số 05 (máy nghiền tinh số 05) được thu gom theo tuyến ống kín bằng thép đen (đường kính D400) dẫn qua cyclone kết hợp lọc bụi túi vải và thoát ra môi trường qua ống thoát bằng thép đen đường kính D400.

- Nguồn số 06, số 07 và số 08: Dòng bụi phát sinh từ công đoạn ép viên chia làm 03 dòng: Dòng số 06 (máy ép viên số 01 và 02), dòng số 07 (máy ép viên số 03 và 04), dòng số 08 (máy ép viên số 05 và 06) được thu gom theo tuyến ống kín bằng thép đen (đường kính D400) vào cyclone, sau đó dòng khí tiếp tục theo tuyến ống kín bằng thép đen (đường kính D400) qua cyclone kết hợp lọc bụi túi vải, cuối cùng dòng khí được dẫn vào bể đập bụi và thoát ra môi trường qua ống thoát bằng thép đen đường kính D400.

- Nguồn số 09, số 10 và số 11: Dòng bụi phát sinh từ 03 máy làm nguội chia làm 03 dòng: Các dòng bụi phát sinh từ công đoạn làm nguội được thu gom theo tuyến ống kín bằng thép đen (đường kính D400) qua cyclone, sau đó dòng khí tiếp tục theo tuyến ống kín bằng thép đen (đường kính D400) qua cyclone kết hợp lọc bụi túi vải, cuối cùng dòng khí tại máy làm nguội số 01 được đầu nối vào đường ống dẫn khí (dòng số 06) của máy ép viên số 01 và số 02, dòng khí tại máy làm nguội số 02 được đầu nối vào đường ống dẫn khí (dòng số 07) của máy ép viên số 03 và số 04, dòng khí tại máy làm nguội số 03 được đầu nối vào đường ống dẫn khí (dòng số 08) của máy ép viên số 05 và số 06 để dẫn về bể đập bụi sau đó thoát ra ngoài bằng ống thép đen đường kính D400.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải từ nguồn số 01 và 02:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sấy → Cyclone chùm (06 cyclone) → Bể đập bụi → Khí sạch thoát ra môi trường qua ống khói đường kính D800mm.

- Tổng công suất thiết kế: 40.000 m³/giờ.

- Hóa chất sử dụng: Không

- Vật liệu sử dụng: Dùng nước làm tác nhân hấp thụ.

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải từ nguồn số 03, 04 và 05:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi → Cyclone → Cyclone kết hợp túi vải lọc bụi → Khí sạch thoát ra môi trường qua ống thoát khí đường kính D400.

- Tổng công suất thiết kế: 25.000m³/giờ.

- Hóa chất sử dụng: không

1.2.3. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải từ nguồn số 06 đến nguồn số 11:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi → Cyclone → Cyclone kết hợp túi vải lọc bụi → Bể nước dập bụi → Khí sạch thoát ra môi trường qua ống thoát khí đường kính D400.

- Tổng công suất thiết kế: 48.000m³/giờ.

- Hóa chất sử dụng: Không

- Vật liệu sử dụng: Dùng nước làm tác nhân hấp thụ.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường liên quan đến bụi, khí thải theo đúng quy định của pháp luật.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát hệ thống quạt, đường ống thu gom và thiết bị xử lý bụi, khí thải của dự án để kịp thời bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hoặc thay thế, đảm bảo an toàn và hiệu quả thu gom, xử lý các nguồn bụi, khí thải đạt quy chuẩn môi trường hiện hành trước khi thoát ra ngoài môi trường.

- Vận hành các hệ thống xử lý bụi, khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật đã được nhà cung cấp chuyển giao.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng và đảm bảo đánh giá được hiệu quả của công trình xử lý bụi, khí thải theo quy định.

2.2. Công trình, thiết bị xả bụi, khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý bụi, khí thải đã được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại lỗ lấy mẫu trên ống thoát, ống khói của các hệ thống xử lý bụi, khí thải đã được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

(việc quan trắc chất thải do Công ty tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý chất thải).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình công trình xử lý bụi, khí thải đảm bảo không để bụi, khí thải phát tán ra môi trường làm ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí trong và ngoài phạm vi dự án. Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các hệ thống xử lý và kịp thời có phương án thay thế khi có dấu hiệu hư hỏng, xuống cấp.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, trang thiết bị để vận hành hiệu quả hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải; Đảm bảo các ống khói, ống thoát của các hệ thống xử lý khí thải phải có điểm (cửa) lấy mẫu khí thải với đường kính hoặc độ rộng theo quy định, có nắp đậy để điều chỉnh độ mở rộng, bố trí sàn thao tác đảm bảo an toàn, thuận lợi khi thực hiện việc lấy mẫu (Vị trí điểm lấy mẫu, đường kính hoặc độ rộng đảm bảo theo quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021).

3.4. Thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ khi triển khai thực hiện việc vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý bụi, khí thải (như: thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm, lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm; ghi sổ nhật ký vận hành thử nghiệm, tự đánh giá hoặc thuê tổ chức có đủ năng lực đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình xử lý chất thải,...).

3.5. Trong quá trình hoạt động, khi có sự cố liên quan đến việc vận hành các thiết bị xử lý bụi, khí thải, Công ty phải tạm dừng ngay các hoạt động sản xuất có phát sinh bụi, khí thải để tập trung xác định nguyên nhân và sửa chữa, khắc phục kịp thời.

3.6. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này.

Phụ lục 03

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 12 năm 2024
của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tại khu vực xưởng sản xuất.
- Nguồn số 02: Tại khu vực xưởng cơ khí.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 1.524.380; Y = 596.644.
- Nguồn số 02: Tọa độ X = 1.524.345; Y = 596.599.

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $108^{\circ}15'$, múi chiều 3^0).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Quy chuẩn áp dụng	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ			
1	70	55	-	QCVN 26:2010/BTNMT	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Quy chuẩn áp dụng	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ			
1	70	60	-	QCVN 27:2010/BTNMT	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.
- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 04**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-BQL ngày tháng 12 năm 2024
của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Số lượng (kg/năm)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	80	17 07 03	NH
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	10	16 01 06	NH
3	Ắc quy chì thải	10	19 06 01	NH
4	Các loại vật dụng nhiễm dầu như: Giẻ lau, bao tay, can, thùng chứa dầu nhớt	20	18 02 01	KS
5	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu khác	30	18 01 04	KS
	Tổng cộng	132		

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Các loại chất thải	Số lượng (kg/ngày)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Bụi từ các công đoạn sản xuất của dây chuyền sản xuất viên nén, viên nén hư	5.340	09 01 03	TT-R
2	Tro lò sấy	1.200	12 01 10	TT
3	Bao jumbo thải bỏ	3	18 01 05 18 01 06	TT-R
4	Bùn từ bể lắng của hệ thống xử lý khí thải, bụi	3	12 01 12	TT
	Tổng cộng	6.546		

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Khối lượng: khoảng 68,4kg/ngày.

- Chủng loại: chủ yếu là bao bì, vỏ đồ hộp, thức ăn thừa và các loại chất thải rắn khác phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân viên.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí các thùng nhựa PVC loại 240L, 120L tại kho chứa để thu gom và lưu chứa toàn bộ lượng chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh và đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: Bố trí kho lưu chứa có diện tích 6m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín khít, không thấm thấu; cos nền cao hơn cos mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa; cửa khóa, biển cảnh báo; bên trong dán mã chất thải và bố trí thùng chứa để phân loại, lưu chứa chất thải; trang bị thiết bị, dụng cụ PCCC theo quy định của pháp luật về PCCC; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa),... theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị bao bì, thùng chứa đặt tại khu vực sản xuất và khu vực lưu chứa.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Bụi từ các công đoạn sản xuất của dây chuyền sản xuất viên nén, viên nén hư được thu gom vào bao và tái sử dụng làm nguyên liệu cho mục đích sản xuất viên nén.

- Khu vực chứa tro lò sấy: Bố trí 02 khu vực có diện tích 3m² (tương ứng với 2 vị trí lò hơi) nằm bên trong khu vực lò hơi.

- Các loại chất thải công nghiệp khác: bố trí 01 kho chứa có diện tích 4,5m² được bố trí tại vị trí phía Tây dự án.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Mặt sàn đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu, rạn nứt; cos nền cao hơn cos mặt bằng xung quanh, không để nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa; che chắn xung quanh không để bụi phát tán ra môi trường xung quanh;....

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng chứa chất thải chuyên dụng có nắp đậy đảm bảo công tác thu gom, phân loại, lưu chứa toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.

- Khu vực để thiết bị lưu chứa: các khu vực xưởng sản xuất và nhà bảo vệ, khu vực đường nội bộ,....

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện đầy đủ các công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất, sự cố cháy nổ và các sự cố khác liên quan theo quy định pháp luật.

- Thực hiện quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022. Định kỳ chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động nếu xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định và các cơ quan có liên quan để hướng dẫn giải quyết. Trường hợp để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng kinh tế, môi trường, Chủ dự án hoàn toàn chịu trách nhiệm khắc phục, đền bù thiệt hại.

Phụ lục 05**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 12 năm 2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định)

1. Công khai Giấy phép môi trường của dự án trên cổng thông tin điện tử của Công ty hoặc tại trụ sở UBND phường Trần Quang Diệu trong thời hạn tối đa 10 ngày kể từ ngày cấp Giấy phép môi trường.
2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo đúng quy định pháp luật hiện hành.
3. Trồng cây xanh trong phạm vi mặt bằng đảm bảo tỷ lệ diện tích theo quy hoạch được duyệt.
4. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b, khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.
5. Duy trì vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình xử lý, bảo vệ môi trường tại dự án; thường xuyên theo dõi, giám sát và cải tạo, nâng cấp, sửa chữa kịp thời khi bị hư hỏng, xuống cấp.
6. Các chất thải nguy hại phải được phân loại theo mã chất thải nguy hại để lưu giữ trong các bao bì hoặc thiết bị lưu chứa phù hợp. Được sử dụng chung bao bì hoặc thiết bị lưu chứa đối với các mã chất thải nguy hại có cùng tính chất, không có khả năng gây phản ứng, tương tác lẫn nhau và có khả năng xử lý bằng cùng một phương pháp; thực hiện lưu giữ chứng từ chất thải nguy hại theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.
7. Thực hiện nghiêm túc công tác PCCC; tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động và thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.
8. Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố môi trường trong quá trình hoạt động. Công ty phải chịu hoàn toàn trách nhiệm khi để xảy ra các sự cố môi trường liên quan đến chất thải tại cơ sở.
9. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp; Có hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 14001 được chứng nhận theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi

trường.

10. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng theo quy định mới.